



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN HỌC SINH – PHƯỜNG LONG BIÊN
BỮA CHÍNH VÀ BỮA PHỤ TRƯỞNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

Tuần 20 năm học 2025-2026

(Từ ngày 26/01/2026 đến 30/01/2026)

TT	Thứ 2 (26/01)	Thứ 3 (27/01)	Thứ 4 (28/01) <i>Bữa ăn học đường</i>	Thứ 5 (29/01)	Thứ 6 (30/01)
1	Thịt lợn xay rang hành	Thịt gà file om nấm	Thịt lợn hầm khoai tây, cà rốt	Cá rô phi file chiên	Cơm rang thập cẩm
2	Đậu tằm hành	Thịt lợn xào thập cẩm	Trứng chưng ngô non	Đậu sốt cà chua	Sốt tương cà
3	Su su, cà rốt xào	Cải bắp, cà rốt xào	Dưa hấu	Cải ngọt xào	Khoai tây chiên
4	Canh cải ngọt nấu thịt	Canh bí xanh nấu thịt	Canh cải cúc nấu thịt	Canh củ quả nấu thịt	Canh thịt nấu chua thả giá
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Dưa hấu
6	Sữa chua Vinamilk	Bánh gato Hoa Sữa	Sữa tươi Vinamilk	Bánh Gibon Hải Châu	Sữa chua Vinamilk

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Ngọc Hà

ĐẠI DIỆN CMHS

Nguyễn Thị Lý

ĐẠI DIỆN CÔNG TY HOA SỮA

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (26/01)	Thịt lợn xay rang hành	Thịt lợn	gram	80	140,000	11,200	55-65	165.0	Chất đốt	1,200	
	Đậu tằm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	150.0	Nhân công	4,500	
	Su su, cà rốt xào	Su su gọt vỏ, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	35.0	Lãi dự kiến	600	
	Canh cải ngọt nấu thịt	Cải ngọt	gram	28	25,000	700	220-240	190.0	Phí quản lý	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Khấu hao	300	
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		64.0	Nước sạch	150	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,500			VAT	2,600	
Cộng thứ 2						26,080		974.0		9,800	35,880
Thứ 3 (27/01)	Thịt gà file om nấm	Thịt gà file	gram	90	95,000	8,550	60-65	160.0	Chất đốt	1,200	
	Thịt lợn xào ngũ sắc	Thịt lợn	gram	15	140,000	2,100	40-45	55.0	Nhân công	4,500	
		Đỗ cove	gram	15	30,000	450			Lãi dự kiến	600	
		Cà rốt	gram	7	25,000	175			Phí quản lý	300	
		Ngô ngọt hạt	gram	13	80,000	1,040			NRB+ N.lau sàn	150	
	Cải bắp, cà rốt xào	Cải bắp, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	54.0	Khấu hao	300	
	Canh bí xanh nấu thịt	Bí xanh	gram	28	25,000	700	220-240	20.0	Nước sạch	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			VAT	2,600	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0			
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	bánh	1	4,500	4,500		116.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000					
Cộng thứ 3						25,445		775.0		9,800	35,245
Thứ 4 (28/01)	Thịt lợn hầm khoai tây, cà rốt	Thịt lợn	gram	50	140,000	7,000	60-65	140.0	Chất đốt	1,200	
		Khoai tây, cà rốt	gram	45	30,000	1,350			Nhân công	4,500	
	Trứng chưng ngô non	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	45-50	90.0	Lãi dự kiến	600	
		Ngô bắp	gram	15	35,000	525			Phí quản lý	300	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	70-75	25.0	NRB+ N.lau sàn	150	
	Canh cải cúc nấu thịt	Cải cúc	gram	28	25,000	700	220-240	70.0	Khấu hao	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			Nước sạch	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	VAT	2,600	
	Sữa tươi Vinamilk	Sữa tươi Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		45.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000					
Cộng thứ 4						25,305		740.0		9,800	35,105

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (29/01)	Cá rô phi file chiên	Cá rô phi file	gram	65	105,000	6,825	50-52	150.0	Chất đốt	1,200	
	Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	60-65	170.0	Nhân công	4,500	
		Cà chua	gram	10	30,000	300			Lãi dự kiến	600	
	Cải ngọt xào	Cải ngọt	gram	90	25,000	2,250	45-50	63.0	Phí quản lý	300	
	Canh củ quả nấu thịt	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	170.0	NRB+ N.lau sàn	150	
		Khoai tây, cà rốt	gram	30	30,000	900			Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Nước sạch	150	
	Bánh Gibon Hải Châu	Bánh Gibon Hải Châu	bánh	1	3,500	3,500		80.0	VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					5,000					
	Cộng thứ 5					23,205		1,003.0		9,800	33,005
Thứ 6 (30/01)	Cơm rang thập cẩm	Thịt lợn	gram	12	140,000	1,680	350-360	520.0	Chất đốt	1,200	
		Chả nạc	gram	10	130,000	1,300			Nhân công	4,500	
		Xúc xích	gram	15	160,000	2,400			Lãi dự kiến	600	
		Cà rốt	gram	10	25,000	250			Phí quản lý	300	
		Ngô ngọt hạt	gram	10	80,000	800			NRB+ N.lau sàn	150	
		Đỗ cove	gram	15	30,000	450			Khấu hao	300	
		Trứng gà	gram	15	65,000	975			Nước sạch	150	
		Gạo tẻ	gram	130	20,000	2,600			VAT	2,600	
	Sốt tương cà	Tương cà	gram	20	50,000	1,000	18-20	40.0			
	Khoai tây chiên	Khoai tây	gram	100	30,000	3,000	30-35	105.0			
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	70	25,000	1,750	60-65	20.0			
	Canh thịt nấu chua thả giá	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	26.0			
		Giá đỗ	gram	10	25,000	250					
		Cà chua	gram	15	30,000	450					
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		64.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000					
	Cộng thứ 6					26,185		775.0		9,800	35,985

